

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP

TÊN HỌC PHẦN:	CƠ KẾT CẤU 1
M? H OC PHẦN :	MEC - 306

HỌC KỲ	3
TÍN CHỈ	3
LẦN THI	1

Ngày thi: 04/01/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
1	161211002	VŨ KHẮC	BÌNH	C16XCD	10			7		3			3	0.0	Khăng	
2	161211003	PHAN VĂN	BÔNG	C16XCD	7.5			5.3		4			3	0.0	Khăng	
3	161211005	PHAN VĂN	CHÍNH	C16XCD	7.5			5		4			1	0.0	Khăng	
4	161211006	TÔN MẠNH	CUÔNG	C16XCD	7.5			4		3			3	0.0	Khăng	
5	161211007	ĐINH MẠNH	CUÔNG	C16XCD	2			5		5			1	0.0	Khăng	
6	161211008	NGUYỄN DUY	CUÔNG	C16XCD	5			3		5			2	0.0	Khăng	
7	161211010	PHAN PHỤNG	ĐÔNG	C16XCD	6			5		4			2	0.0	Khăng	
8	161211011	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	C16XCD	8.3			7		4			3	0.0	Khăng	
9	161211012	LÊ VĂN	DŨNG	C16XCD	6			4		8			2	0.0	Khăng	
10	161211015	TRẦN QUỐC	GIA	C16XCD	2.5			3		3			2	0.0	Khăng	
11	161211016	CAO SƠN	HẢI	C16XCD	6.7			6		5			V	0.0	Khăng	Hoàn thi
12	161211018	TRẦN CÔNG	HẬU	C16XCD	2.5			3		5			1	0.0	Khăng	
13	161211019	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	C16XCD	5			4		5			2.5	0.0	Khăng	
14	161211020	HUỲNH ANH	HIỆP	C16XCD	2.5			4		3			2	0.0	Khăng	
15	161211021	ĐẶNG XUÂN	HÀ	C16XCD	5			6		5			2	0.0	Khăng	
16	161211023	NGUYỄN HUY	HÙNG	C16XCD	7.5			6.5		4			2	0.0	Khăng	
17	161211024	DƯƠNG BÌNH	HUY	C16XCD	6.7			5		5			1	0.0	Khăng	
18	161211029	NGUYỄN BÌNH	LONG	C16XCD	5.8			6		4			3	0.0	Khăng	
19	161211030	TRƯƠNG HẢI	LONG	C16XCD	2			3		4			3	0.0	Khăng	
20	161211033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	5			6.5		3			3	0.0	Khăng	
21	161211035	TRẦN BÌNH	NGUYỄN	C16XCD	6.7			4		4			2	0.0	Khăng	
22	161211036	VŨ NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	2.5			0		5			2	0.0	Khăng	
23	161211037	TRẦN VĂN	NHÂN	C16XCD	10			5.5		4			3	0.0	Khăng	
24	161211038	PHAN TÂN	PHONG	C16XCD	5.8			5		4			1	0.0	Khăng	
25	161211039	NGUYỄN QUỐC	PHONG	C16XCD	6.7			5		4			2	0.0	Khăng	
26	161211040	HOÀNG ĐỨC	PHƯƠNG	C16XCD	9.2			6		3			4	4.9	Bất phân	Chen
27	161211041	TRƯƠNG CÔNG	RIN	C16XCD	5			4		5			2.5	0.0	Khăng	
28	161211042	TRẦN VĂN	SANG	C16XCD	2.5			4		4			2	0.0	Khăng	
29	161211044	HỒ HẢI	THÁI	C16XCD	5			2		5			HP	0.0	Khăng	
30	161211045	NGUYỄN	THÀNH	C16XCD	4.2			5		4			3	0.0	Khăng	
31	161211046	NGUYỄN CHÁNH	THI	C16XCD	9.2			6		3			2	0.0	Khăng	

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
32	161211047	CAO THỂ TH?N	C16XCD	9.2			6		8			9	8.4	T?m ph?p B?u		
33	161211048	LÊ NGỌC TH?NH	C16XCD	5.8			6		3			2	0.0	Kh?ng		
34	161211049	TRẦN QUỐC TO?N	C16XCD	2.5			5		5			2	0.0	Kh?ng		
35	161211050	TRẦN QUANG TRUNG	C16XCD	9.2			6		3			4	4.9	B?u ph?p Ch?n		
36	161211051	HỒ CHÍ TRUNG	C16XCD	7.5			6		3			3	0.0	Kh?ng		
37	161211052	TRẦN VĂN TRU?NG	C16XCD	9.2			7		6			6	6.6	S?u ph?p S?u		
38	161211053	NGUYỄN NGỌC TÚ	C16XCD	7.5			6		5			5	5.5	N?m ph?p N?m		
39	161211054	LÊ VĂN TU?N	C16XCD	10			7		5			6	6.6	S?u ph?p S?u		
40	161211056	TRẦN ANH TU?N	C16XCD	9.2			6		4			9	7.8	B?y ph?p T?m		
41	161211058	LÊ VĂN TÙNG	C16XCD	5			3		4			3	0.0	Kh?ng		
1	1004	LÊ HOÀNG VIỆT	C15XCD	3			5		2			V	0.0	Kh?ng		
2	2372	NGUYỄN VIỆT TI?N	K12XCD	3			6		2			4	4.0	B?u		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	7	16%	
2	Số sinh viên nợ	36	84%	
TỔNG CỘNG :		43	100%	

LẬP BẢNG

Nguyễn Kim Đức

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

Trần Quốc Bảo

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Hữu Phú

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 02 năm 2012

2/2